

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 97/2021/HS-ST
Ngày: 25/8/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Quang và ông Lương Văn Kiên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn H; sinh năm 1975 tại K, nơi ĐKKHKT và cư trú: số nhà 212 hẻm T, Tổ 5, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Chừa (đã chết), mẹ Lê Thị Hòa (đã chết) có vợ là Nguyễn Thị Thuận (Đã ly hôn) và một con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày từ 22/02/2021 đến ngày 25/02/2021 bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bị hại:

- Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1974; địa chỉ: Làng P Roh, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn D, sinh năm 1979; địa chỉ: Hẻm 212 đường T, tổ 5, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt;

- Phạm Đình T, sinh năm 1981; địa chỉ: 56/10/10/ N, tổ 3, phường P, thành phố P, Gia Lai; Vắng mặt;

- Lê Thành A, sinh năm 1981; địa chỉ: 46 H, phường T, thành phố P, Gia Lai. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được

tóm tắt như sau:

Sáng ngày 16/4/2019, H cùng với Lê Thành A, Phạm Đình T đến thi công sơn lại nhà cho bà Nguyễn Thị Kim T. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, khi đang dọn dẹp trong phòng ngủ của bà Tài, H phát hiện trên tấm nệm phía đầu giường ngủ có 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng, có đính 05 hạt đá màu trắng, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Quan sát xung quanh không có người, H lấy chiếc nhẫn cất giấu vào túi quần bên phải đang mặc trên người và kéo học tủ quần áo trong phòng ra để chuẩn bị di dời tủ, thì phát hiện trong học tủ có một xấp tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gồm nhiều mệnh giá khác nhau, nên lấy giấu vào túi quần bên trái. Sau khi chiếm đoạt nhẫn và tiền trong phòng ngủ của bà T, H đi ra sân rồi ra cổng đón xe ta xi bỏ trốn sang tỉnh Đắk Lắk.

Khoảng 09 giờ ngày 16/4/2019 bà Tài thì phát hiện bị mất nhẫn và tiền. Nghi ngờ H, nên bà Tài đến Công an phường Y, TP.P trình báo.

Sau khi trốn sang tỉnh Đắk Lắk, biết chiếc nhẫn đã chiếm đoạt của bà T có giá trị lớn và số tiền chiếm đoạt của bà T là 17.600.000 đồng, nên ngày 17/4/2019 H quay về nhà cất giấu chiếc nhẫn cùng với số tiền 11.000.000 đồng dưới nệm trong phòng ngủ; H mang số tiền 6.600.000 đồng theo và tiếp tục bỏ trốn. Sau đó, H gọi điện thoại di động cho Nguyễn D, là em ruột của mình, chỉ chỗ cất giấu và nhờ D giao nộp cho cơ quan Công an. Ngày 18/4/2019 D mang chiếc nhẫn cùng với số tiền 11.000.000 đồng giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P.

Qua giám định, Phân viện Khoa học hình sự tại TP.Đà Nẵng kết luận: “01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu trắng, trên có gắn 05 viên đá không màu (mặt trong chiếc nhẫn có dập chữ và số “Au 750” gửi giám định có vàng (Au), hàm lượng vàng 74,11%; tổng khối lượng mẫu 9,76 gam (tính cả đá); 05 (năm) viên đá không màu đính trên chiếc nhẫn kim loại màu trắng gửi giám định là kim cương tự nhiên”.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP.P kết luận chiếc nhẫn bằng vàng trắng có đính 05 viên kim cương của bà Nguyễn Thị Kim T bị Nguyễn H chiếm đoạt vào ngày 16/4/2019, có trị giá 287.000.000 đồng.

Toàn bộ số tài sản H chiếm đoạt đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P trả lại cho bà T.

Ngày 16/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P khởi tố bị can đối với Nguyễn H về tội: “Trộm cắp tài sản”; ngày 15/6/2019, Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã đối với H. Ngày 22/02/2021, H ra đầu thú.

Tại phiên tòa, H đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt nhẫn và số tiền 17.600.000 đồng (mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) của bà Nguyễn Thị Kim T như nêu trên .

Về dân sự: Sau khi được nhận lại chiếc nhẫn và số tiền 11.000.000 đồng đã bị chiếm đoạt, bà Nguyễn Thị Kim T không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự và có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với Nguyễn H.

Tại Bản cáo trạng số: 82/CT-VKS ngày 04/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Nguyễn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn H và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm: b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Tuyên bố bị cáo Nguyễn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; xử phạt bị cáo mức án từ 06 năm đến 7 năm tù.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ nội dung bản luận tội và mức hình phạt mà Kiểm sát viên công bố, không có ý kiến tranh luận gì và trình bày diễn biến vụ án đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm cũng như các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, không có ý kiến khiếu nại gì.

Nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi thực hiện tội phạm bị cáo:

Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 16/4/2019 Nguyễn H vào phòng ngủ của bà Nguyễn Thị Kim T dọn dẹp vật dụng để tiến hành sơn sửa thì phát hiện trên đầu giường nệm ngủ của bà T có chiếc nhẫn bằng kim loại màu trắng có đính năm hạt đá trắng, nhưng H không biết đây là kim loại quý, có giá trị rất lớn và trong hộc tủ quần áo có một xấp tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam tổng cộng 17.600.000đ. Quan sát không thấy có ai, H lấy toàn bộ số tài sản này cất giấu vào người rồi đón xe rời khỏi nhà bà T trốn sang tỉnh Đắk Lắk. Ngày 17/4/2019 biết được thông tin về chiếc nhẫn có giá trị rất lớn do người nhà thông báo, bị cáo lo sợ nên quay về nhà cất giấu chiếc nhẫn và số tiền 11.000.000đ dưới nệm trong phòng ngủ và tiếp tục bỏ trốn, sau đó gọi điện nhờ người thân mang trả cho bà T.

Hành vi lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác trong quản lý tài sản của chủ sở hữu nên nảy lòng tham chiếm đoạt cho bản thân của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam nên cố tình thực hiện. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thì chiếc nhẫn có đính 05 hạt đá kim cương tự nhiên trị giá 287.000.000

đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bà T gồm 17.600.000đ tiền mặt và chiếc nhẫn trị giá 287.000.000 đồng là 304.600.000đ nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà T, biết được tài sản có giá trị rất lớn nên đã tự nguyện nhờ người thân mang trả cho người bị hại, sau đó thì ra đầu thú khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo thể hiện sự thành khẩn, ăn năn sâu sắc. Tại phiên tòa, bị cáo tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm: b, s khoản 1, khoản 2 Điều 54 để cân nhắc khi quyết định hình phạt cho bị cáo bị dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định.

[4] Về dân sự: Người bị hại là bà Nguyễn Thị Kim T đã nhận lại tài sản và không có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với ý kiến, đề nghị của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa về mức án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, việc xử lý vật chứng là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên, về mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, chưa đảm bảo nguyên tắc khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, đã thật sự ăn năn hối cải sâu sắc, thành khẩn khai báo để nhanh chóng kết thúc vụ án đưa ra xét xử, nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho phù hợp.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s, khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Tuyên bố bị cáo Nguyễn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn H 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 22/2/2021.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Gia lai;
- VKS TP P;
- Công an Tp. P;
- THADS Tp.P;
- Bị cáo;
- Lưu hs.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nhơn